

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2022/DS-ST

Ngày 15-8-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu P

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Phương L

Bà Nguyễn Thị T

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức H - Thư ký Toà án nhân dân quận N, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận N, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng L - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận N, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 55/QĐDS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/QĐDS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC (sau đây gọi là ACB); địa chỉ trụ sở: Số 442 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đào Thị L; nhân viên, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền số 1603/UQ-QLN.21 ngày 11 tháng 10 năm 2021) có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Hằng N và anh Nguyễn Đức T; nơi cư trú: Số 5A U4 đường Đ, phường C, quận N, thành phố H. Chị N và anh T đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC và chị Nguyễn Hằng N và anh Nguyễn Đức T có ký hợp đồng tín dụng số 06-08.13/HĐTDDH/TPB/HPG ngày 23/8/2013, theo đó Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC cấp cho chị Hằng và anh T số tiền cho vay: 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng; phương thức: Chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản T toán số 88268149 của bà N tại ACB; thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày 19/10/2010 đến ngày 19/10/2015; mục đích cho vay: Mua sắm vật dụng gia đình; lãi suất trong hạn: 1,04%/tháng (tính theo dư nợ ban đầu); lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng nói trên, ACB đã giải ngân đủ số tiền 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng cho chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Nguyễn Đức T. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Nguyễn Đức T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi. Tính đến phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Hằng N và anh Nguyễn Đức T còn nợ theo các hợp đồng tín dụng nói trên số tiền là:

Nợ gốc: 18.000.000 đồng.

Lãi trong hạn: 4.605.120 đồng.

Nợ lãi quá hạn: 28.370.160 đồng.

Tổng cộng: 50.975.280 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng ACB đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Hằng N và anh Nguyễn Đức T phải trả cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 15/8/2022 tiền gốc và lãi tổng cộng là 50.975.280\ đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc chị N và anh T phải tiếp tục trả số tiền lãi của số tiền nợ gốc từ sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi trả xong toàn bộ số tiền trên.

Về án phí: ACB đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn chị Nguyễn Hằng N và anh Nguyễn Đức T không có mặt tại nơi cư trú, không có quan điểm, Tòa án nhân dân quận N giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản đã đảm bảo đúng quy định của

Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; vắng mặt tại các phiên hòa giải và vắng mặt phiên tòa lần thứ ba dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự; qua quá trình hỏi công khai tại phiên tòa, xét thấy: Hợp đồng tín dụng trả góp số 01191010/UIIL ngày 19/10/2010 được ký kết giữa nguyên đơn là ngân hàng ACB và bị đơn chị Nguyễn Hằng N & anh Nguyễn Đức T được ký kết hoàn toàn tự nguyện, nội dung về việc cấp tín dụng, lãi suất và mục đích hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng hoàn toàn hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Tuy nhiên, tại mục 4 Hợp đồng tín dụng trả góp số 01191010/UIIL ngày 19/10/2010 được ký kết giữa nguyên đơn là ngân hàng ACB và bị đơn chị Nguyễn Hằng N & anh Nguyễn Đức T thể hiện: “Số tiền phạt của một kỳ trễ hạn: 200.000 đồng/ 1 kỳ trễ hạn”. Mục 4.3 phần các điều kiện về việc cấp tín dụng và áp dụng biện pháp bảo đảm tại ngân hàng thể hiện: “Khi đến hạn trả nợ của mỗi kỳ hạn/kế thúc thời hạn cho vay, nếu Bên vay không trả hết tiền lãi phải trả đúng hạn thì phải chịu phạt trả góp trễ hạn...”. Xét thấy đây là thỏa thuận trái quy định pháp luật theo Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Từ 18/6/2012 đến 05/4/2013 Ngân hàng ACB đã thu phạt của chị N và anh T tổng số tiền 1.600.000 đồng là không đúng.

Tại Thông báo lịch trả nợ vay ngày 19/10/2010 của ACB, bà N ông T phải T toán số tiền góp bao gồm nợ gốc và lãi cho ACB từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng, 59 tháng đầu mỗi tháng trả 974.400 đồng, trong đó: tiền gốc 600.000 đồng, tiền lãi 374.400 đồng. Tháng cuối cùng trả hết nợ vay...

Từ thời điểm 05/4/2013, chị N, anh T không trả nợ đầy đủ, đúng hạn cho ACB theo thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng và Thông báo lịch trả nợ, đã vi phạm nghĩa vụ T toán theo quy định tại Mục 8.2 Nghĩa vụ của bên vay của HĐ số 01191010/UIIL: “Bên vay có nghĩa vụ thực hiện đúng những thỏa thuận đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng...”. Do chị N, anh T vi phạm nghĩa vụ nên thuộc trường hợp thu hồi nợ trước hạn theo Điều 3 của Hợp đồng. Vì vậy, căn cứ Điều 3, 4 của Hợp đồng, ngày 24/3/2014 ngân hàng ACB ra thông báo thu hồi nợ trước hạn, thể hiện từ ngày 11/5/2013 ACB đã chuyển toàn bộ số dư nợ gốc còn lại của khoản vay sang nợ quá hạn với lãi suất nợ quá hạn là 1,04%/tháng. Tính đến 05/4/2013 chị N, anh T đã trả được nợ gốc là 18.000.000 đồng. Việc ngân hàng yêu cầu bị

đơn trả nợ còn thiếu là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Tuy nhiên, theo phân tích trên, do số tiền phạt 1.600.000 đồng ACB đã thu của chị N, anh T là trái quy định nên số tiền này được trừ trực tiếp trong tiền nợ gốc của chị N, anh T tại ACB. Do vậy, xác định số nợ gốc còn lại của chị N, anh T tại ACB là 16.400.000 đồng.

Về yêu cầu trả tiền phạt chậm trả: Về yêu cầu trả tiền phạt chậm trả: Trước khi mở phiên tòa nguyên đơn xin rút yêu cầu phạt chậm trả số tiền là 2.400.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của ACB phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên đình chỉ yêu cầu phạt chậm trả đối với số tiền là 2.400.000 đồng.

Về án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

- Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC và cá nhân là chị Nguyễn Hằng N và anh Nguyễn Đức T với mục đích tiêu dùng được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị Nguyễn Hằng N và anh Nguyễn Đức T cư trú trên địa bàn quận N, thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hạn giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Hằng N và anh Nguyễn Đức T không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét về áp dụng pháp luật nội dung:

[4] Việc ký kết hợp Hợp đồng tín dụng trả góp số 01191010/UIIL ngày 19/10/2010 giữa hai bên được xác lập vào thời điểm năm 2010; đến nay có tranh chấp nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5] Hợp đồng tín dụng trả góp số 01191010/UIIL ngày 19/10/2010 được ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC và bên vay là chị Nguyễn Hằng N và anh Nguyễn Đức T tuân thủ quy định tại Điều 121, 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005 với các điều khoản của hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy các hợp đồng trên là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của hai bên. Theo đó, ACB đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, giải ngân cho chị Nguyễn Hằng N và anh Nguyễn Đức T vay đủ số tiền của hợp đồng là 36.000.000 đồng. Chị Nguyễn Hằng N và anh Nguyễn Đức T đã nhận đủ tiền vay nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình theo điều khoản trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ T toán quy định trong các hợp đồng tín dụng. Vì vậy, ACB khởi kiện buộc chị Nguyễn Hằng N và anh Nguyễn Đức T phải trả nợ gốc, nợ lãi để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay, ngày 28/7/2022, chị Nguyễn Hằng N và anh Nguyễn Đức T còn nợ và có nghĩa vụ phải trả cho ACB số tiền nợ gốc, nợ lãi còn lại của Hợp đồng tín dụng tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 15/8/2022, là 50.975.280 đồng, trong đó nợ gốc là 18.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.605.120 đồng, nợ lãi quá hạn là 28.370.160 đồng.

[7] Đối với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận N về việc không chấp nhận số tiền phạt vi phạm 1.600.000 đồng mà ACB đã thu của chị Nguyễn Hằng N và anh Nguyễn Đức T; đồng thời trừ số tiền phạt vào số tiền nợ gốc và tính lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc sau khi đã trừ là 16.400.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, theo khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao về việc không trả đúng hạn trong hợp đồng vay tài sản quy định: “2. Hợp đồng vay tài sản vừa có thoả thuận phạt vi phạm, vừa có thoả thuận lãi trên nợ gốc quá hạn....”; Điều 422 của Bộ luật dân sự năm 2005 về việc thực hiện hợp đồng có thoả thuận phạt vi phạm quy định: “1. Phạt vi phạm là sự thoả thuận giữa các bên trong hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm. 2. Mức phạt vi phạm do các bên thoả thuận”. Như vậy tại thời điểm hai bên xác lập Hợp đồng tín dụng trả góp số 01191010/UIIL ngày 19/10/2010 có thoả thuận phạt vi phạm; cụ thể: “ Số tiền phạt của một kỳ trễ hạn 200.000 đồng/kỳ” là phù hợp với

quy định của pháp luật. Số tiền phạt vi phạm 1.600.000 đồng, được thực hiện trước thời điểm số nợ được chuyển sang quá hạn, đảm bảo nguyên tắc mỗi vi phạm chỉ bị xử lý một lần. Tiền phạt vi phạm 1.600.000 đồng phù hợp với thoả thuận của hai bên khi ký kết Hợp đồng tín dụng trả góp và phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về yêu cầu trả tiền phạt chậm trả: Nguyên đơn xin rút yêu cầu phạt chậm trả số tiền là 2.400.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của ACB phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phạt chậm trả đối với số tiền là 2.400.000 đồng.

- Về án phí:

[9] Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Yêu cầu khởi kiện của ACB được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ACB số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[10] Bị đơn chị Nguyễn Hằng N và anh Nguyễn Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là: $50.975.280 \times 5\% = 2.548.764$ đồng.

[11] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 147, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật các tổ chức Tín dụng;

Căn cứ vào các điều 342; 351; 355; 422; 471; 473; 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC đối với chị Nguyễn Hằng N và anh Nguyễn Đức T.

1. Bị đơn chị Nguyễn Hằng N và anh Nguyễn Đức T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC tổng số tiền nợ còn lại của Hợp đồng tín dụng trả góp số 01191010/UII ngày 19/10/2010. Cụ thể: Tạm tính đến ngày 15/8/2022, là 50.975.280 đồng, trong đó nợ gốc là 18.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.605.120 đồng, nợ lãi quá hạn là 28.370.160 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn chị Nguyễn Hằng N và anh Nguyễn Đức T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa T toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi T toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục T toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn phải trả tiền phạt chậm trả là 2.400.000 đồng.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Hằng N và anh Nguyễn Đức T phải chịu 2.548.764 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ACB số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.266.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006585 ngày 24/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố H.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Chị Nguyễn Hằng N và anh Nguyễn Đức T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu P